

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Xuân Thượng,
huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật 35/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT/BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 21/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng";

Căn cứ vào các Quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 19/03/2018 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Hướng dẫn số 2964/HD-SGTVT XD ngày 21/8/2020 của Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng Lào Cai về việc hướng dẫn Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Văn bản số 2420/SNN-KL ngày 11/11/2020 của Sở Nông nghiệp và

PTNT về việc tham gia ý kiến về các đồ án quy hoạch chi tiết trên địa bàn huyện Bảo Yên;

Căn cứ Văn bản số 943/BCH-TM ngày 26/10/2020 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai về việc tham gia ý kiến các đồ án quy hoạch chi tiết trên địa bàn huyện Bảo Yên;

Căn cứ Văn bản số 4443/SGTVTXD-QHKT ngày 09/12/2020 của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng Lào Cai về việc thống nhất phương án Quy hoạch chi tiết xây dựng 04 Trung tâm xã trên địa bàn huyện Bảo Yên;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng huyện Bảo Yên tại Tờ trình số 687/TTr-HĐTD ngày 15/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Xuân Thượng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai với các nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

a. Vị trí: Khu vực lập quy hoạch có vị trí tại bản 4 Vành và bản 7 Vành, xã Xuân Thượng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Phạm vi lập quy hoạch bám dọc theo đường trục chính (đường tỉnh lộ 160) với chiều dài 2,1km, điểm đầu là cổng chào của xã Xuân Thượng, điểm cuối là phía trước khu vực sân thể thao trung tâm xã Xuân Thượng.

b. Phạm vi ranh giới được xác định như sau

- Phía Đông là khu vực men theo chân đồi phía sau suối Vành.
- Phía Tây là dải đất bám dọc theo TL160 ranh giới lần lượt giáp rừng sản xuất bản 7 Vành và bản 4 Vành, khu vực phía sau trường bán trú tiểu học + trung học cơ sở xã Xuân Thượng.
- Phía Nam giáp Sông Chảy.
- Phía Bắc là sườn dốc cách ngã 3 và đường liên xã đi bản 5 Thâu khoảng 100m.

c. Quy mô

- Tổng diện tích đất lập quy hoạch chi tiết là: 45,0ha.
- Quy mô dân số dự kiến khoảng 1.500 người.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất khu quy hoạch

Hình thành một trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của xã Xuân Thượng với đầy đủ cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Đồng thời, sắp xếp dân cư khu vực trung tâm xã, bổ sung quỹ đất ở nông thôn và sắp xếp, mở rộng quỹ đất các cơ quan đơn vị, các quỹ đất trường học đáp ứng được yêu cầu, tiêu chí phục vụ cho nhu cầu phát triển của xã trong giai đoạn hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai.

3. Quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất trung tâm xã Xuân Thượng được xác định cụ thể như sau:

- Đất hành chính, công cộng, dịch vụ: Với tổng diện tích là 57.477,24m², chiếm 12,77% diện tích đất quy hoạch. Bao gồm: đất xây dựng trụ sở cơ quan, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đào tạo, trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, điểm sinh hoạt cộng đồng, cây xanh; Cụ thể như sau:

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Gồm 01 lô đất, kí hiệu TSC với diện tích 2.498,5m², chiếm 0,56% diện tích đất quy hoạch. Mục đích xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Công an + xã đội của xã Xuân Thượng; mật độ xây dựng tối đa là 40%, chiều cao tối đa 15,5m (tầng cao tối đa 4 tầng).

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Gồm 01 lô đất, kí hiệu lô đất DYT với diện tích 1.588,27 m², chiếm 0,35% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng xây dựng trạm y tế xã Xuân Thượng; Mật độ xây dựng tối đa là 40%; Chiều cao tối đa 10,5m (tầng cao tối đa 2 tầng).

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Gồm 02 lô đất, kí hiệu lô đất DGD1÷DGD2; Tổng diện tích 16.474,76 m², chiếm 3,66% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng xây dựng trường mầm non (DGD1), trường trung học cơ sở (DGD2) cho khu vực trung tâm xã Xuân Thượng; Mật độ xây dựng tối đa là 40%; Chiều cao tối đa từ 9,0-12,5m (tầng cao tối đa 2-3 tầng).

+ Đất văn hóa: Gồm 01 lô đất, kí hiệu ô đất DVH, diện tích 1.270,26 m², chiếm 0,28% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng xây dựng Nhà văn hóa, hội trường đa năng cho trung tâm xã Xuân Thượng; Mật độ xây dựng tối đa 40%; Chiều cao tối đa 10,5m (tầng cao tối đa 2 tầng).

+ Đất xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng: Gồm 02 ô đất, kí hiệu ô đất DSH1÷DSH2, tổng diện tích 1.015,03m², chiếm 0,23% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng xây dựng điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng cho bản 4 Vành và bản 7 Vành, xã Xuân Thượng; Mật độ xây dựng tối đa là 40%; Chiều cao tối đa 9,0m (tầng cao tối đa 2 tầng).

+ Đất hỗn hợp: Gồm 01 lô đất, kí hiệu ô đất DHH, với diện tích 4.211,56m², chiếm 0,94% diện tích đất quy hoạch. Mật độ xây dựng tối đa là 40%; Chiều cao tối đa 10,5m (tầng cao tối đa 2 tầng).

+ Đất thể dục thể thao: Gồm 01 lô đất, kí hiệu lô đất DTT, với diện tích 7.706,75m², chiếm 1,71% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng xây dựng trung tâm thể dục thể thao phục vụ nhu cầu rèn luyện, tổ chức thi đấu, lễ hội cho nhân dân trong xã và các khu vực lân cận;

+ Đất cây xanh: Gồm 11 lô đất, ký hiệu lô đất CX1÷CX11, với tổng diện tích 20.120,92 m², chiếm 4,47% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng trồng cây xanh tạo không gian sống trong lành phục vụ người dân trong khu vực.

+ Đất cây xanh cách ly: Gồm 03 lô đất, ký hiệu lô đất CCL1÷CCL3, với tổng diện tích 978,35 m², chiếm 0,22% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng là khoảng cách ly an toàn cho đường điện cao thế ra khỏi các khu vực xây dựng khác.

- Đất dịch vụ thương mại: Gồm 01 lô đất, ký hiệu lô đất TMD, với diện tích 1.602,84m², chiếm 0,36% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng xây dựng công trình dịch vụ (cây xăng) phục vụ cho nhu cầu dân cư trong khu quy hoạch; Mật độ xây dựng tối đa là 50%; Chiều cao tối đa 15,5m (tầng cao tối đa 4 tầng).

- Đất ở: Với tổng diện tích là 88.513,4m², chiếm 19,67% diện tích đất quy hoạch. Bao gồm đất ở hiện trạng và đất ở mới; Cụ thể như sau:

+ Đất ở hiện trạng chỉnh trang: Gồm 23 lô đất, ký hiệu lô đất HT1÷HT23, với tổng diện tích 63.832,91m², chiếm 14,19% diện tích đất quy hoạch. Là các khu dân cư ở hiện trạng, ổn định. Khi triển khai xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang cần tuân thủ các chỉ tiêu kỹ thuật (mật độ xây dựng, tầng cao, chỉ giới xây dựng) theo quy hoạch này được phê duyệt; Mật độ xây dựng tối đa là 70%, chiều cao tối đa 12,5m (tầng cao tối đa 3 tầng).

+ Đất ở mới: Gồm 15 lô đất, ký hiệu lô đất LK1÷LK15; Tổng diện tích 24.680,49m², chiếm 5,48% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sắp xếp nhà ở dân cư mới theo hình thức ở liên kế, ở nông thôn. Diện tích trung bình đất lô đất từ 135m²÷200m²/lô, tổng số 153 lô (chiều rộng bít mặt đường ≥8m); Mật độ xây dựng tối đa 70%; Chiều cao tối đa 12,5m (tầng cao tối đa 3 tầng).

- Đất nông nghiệp: Với tổng diện tích là 222.858,12m², chiếm 49,52% diện tích đất quy hoạch. Bao gồm: Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất lâm nghiệp; Cụ thể như sau:

+ Đất trồng lúa: Gồm 11 lô đất, ký hiệu lô đất LUA1÷LUA11, với tổng diện tích 70.038,33 m², chiếm 15,56% diện tích đất quy hoạch. Là khu vực sản xuất lúa hiện hữu.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Gồm 04 lô đất, ký hiệu lô đất NHK1÷NHK4, với tổng diện tích 18.107,27 m², chiếm 4,02% diện tích đất quy hoạch. Là khu vực canh tác hoa màu hiện hữu.

+ Đất lâm nghiệp (rừng sản xuất): Gồm 14 lô đất, ký hiệu lô đất LNP1÷LNP14, với tổng diện tích 131.057,88m², chiếm 29,12% diện tích đất quy hoạch. Là khu vực trồng rừng sản xuất hiện hữu.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Gồm 03 lô đất, ký hiệu lô đất NTS1÷NTS10, với tổng diện tích 3.654,64m², chiếm 0,81% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng là khu vực ao, hồ nuôi trồng thủy sản nước ngọt hiện trạng.

- Mặt nước: Gồm 09 lô đất, ký hiệu lô đất SON1÷SON9, với tổng diện tích 19.243,54 m², chiếm 4,28% diện tích đất quy hoạch. Mục đích sử dụng là khu vực mương suối hiện trạng và cải tạo nắn dòng.

- Đất hạ tầng kỹ thuật: Tổng diện tích là 61.907,7m², chiếm 13,76% diện tích đất quy hoạch. Bao gồm đất giao thông, bãi đỗ xe, điểm tập kết rác thải và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Bảng thống kê sử dụng đất trung tâm xã Xuân Thượng

| Stt | Loại đất | Ký hiệu | Diện tích (m ²) | MĐ XD TĐ (%) | Chiều cao tối đa (m) | Số lượng (thửa đất) | Tỷ lệ (%) |
|----------|--------------------------------------|------------|-----------------------------|--------------|----------------------|---------------------|--------------|
| 1 | Đất hành chính, công cộng, DV | HC | 57.477,24 | | | | 12,77 |
| 1.1 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 2.498,50 | 40 | 15,5 | | 0,56 |
| 1.2 | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 1.588,27 | 40 | 10,5 | | 0,35 |
| 1.3 | Đất xây dựng cơ sở GD&ĐT | DGD | 16.474,76 | | | | 3,66 |
| | Trường mầm non | DGD1 | 4.470,67 | 40 | 9,0 | | 0,99 |
| | Trường PTDTBT TH và THCS | DGD2 | 12.004,09 | 40 | 12,5 | | 2,67 |
| 1.4 | Đất văn hóa | | 2.285,29 | | | | 0,51 |
| | Đất XD cơ sở VH trung tâm xã | DVH | 1.270,26 | 40 | 10,5 | | 0,28 |
| | Đất xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng | DSH1 | 500,54 | 40 | 9,0 | | 0,11 |
| | | DSH2 | 514,49 | 40 | 9,0 | | 0,11 |
| 1.5 | Đất hỗn hợp | DHH | 4.221,56 | 40 | 10,5 | | 0,94 |
| 1.6 | Đất cây xanh, thể dục thể thao | | 28.806,02 | | | | 6,40 |
| 1.6.1 | Đất thể dục thể thao | DTT | 7.706,75 | | | | 1,71 |
| 1.6.2 | Đất cây xanh | CX | 20.120,92 | | | | 4,47 |
| 1.6.3 | Đất cây xanh cách ly | CCL | 978,35 | | | | 0,22 |
| 1.7 | Đất dịch vụ thương mại | TMD | 1.602,84 | 50 | 15,5 | | 0,36 |
| 2 | Đất ở | | 88.513,40 | - | - | 153 | 19,67 |
| 2.1 | Đất ở mới | LK | 24.680,49 | 70 | 12,5 | 153 | 5,48 |
| 2.2 | Đất ở hiện trạng chỉnh trang | HT | 63.832,91 | 70 | 12,5 | | 14,19 |
| 3 | Đất nông nghiệp | NN | 222.858,12 | | | | 49,52 |
| 3.1 | Đất trồng lúa | LUA | 70.038,33 | | | | 15,56 |
| 3.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | NHK | 18.107,27 | | | | 4,02 |
| 3.3 | Đất lâm nghiệp | LNP | 131.057,88 | | | | 29,12 |
| 3.4 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 3.654,64 | | | | 0,81 |
| 4 | Mặt nước | SON | 19.243,54 | | | | 4,28 |
| 5 | Đất hạ tầng kỹ thuật | | 61.907,70 | | | | 13,76 |
| 5.1 | Đất hạ tầng kỹ thuật | | 1.432,27 | | | | 0,32 |
| | Đất bãi đỗ xe | DX | 1.210,24 | | | | 0,27 |
| | Đất ga rác | GR | 222,03 | | | | 0,05 |
| 5.2 | Đất giao thông + HTKT khác | | 60.475,43 | | | | 13,44 |
| 6 | Tổng | | 450.000,00 | | | | 100,0 |

4. Định hướng tổ chức không gian

a. Chiều cao, mật độ và khoảng lùi

Đối với các công trình kiến trúc có cùng chức năng và trên cùng một tuyến đường, đặc biệt là công trình nhà ở nên có cùng chỉ tiêu về chiều cao công trình, mật độ và khoảng lùi xây dựng ... nhằm tạo tính đồng đều cho không gian trong trung tâm xã Xuân Thượng.

b. Hình thái kiến trúc

- Đối với các công trình kiến trúc thiết kế các mẫu nhà hành chính, dịch vụ, công cộng, nhà văn hóa, trường học, nhà ở ... nhằm tạo chất lượng kiến trúc cho trung tâm xã Xuân Thượng.

- Vật liệu và màu sắc:

+ Sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường phù hợp với điều kiện khí hậu và điều kiện thiên nhiên của khu vực.

+ Tăng cường sử dụng các vật liệu tự nhiên, kết hợp với các vật liệu hiện đại như kính, kim loại làm phong phú cảm thụ thẩm mỹ.

+ Sử dụng màu sắc sáng dịu, nhẹ nhàng, tránh những màu quá sẫm, quá nóng.

5. Tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a. Quy hoạch giao thông

* Giao thông đối ngoại:

- Đường Tỉnh lộ 160: Là tuyến đường kết nối huyện Bắc Hà với huyện Bảo Yên, đoạn qua trung tâm xã Xuân Thượng thiết kế với quy mô $B_{mặt}=7,5m$; $B_{via\ h\grave{e}} = 3m \times 2$; $B_{n\grave{e}n} = 13,5m$.

- Đường liên xã: Là tuyến đường D6 nối từ tỉnh lộ 160 đi Xuân Hoà, đoạn qua trung tâm xã Xuân Thượng thiết kế với quy mô $B_{mặt} = 6,0m$, $B_{via\ h\grave{e}} = 3m \times 2$; $B_{n\grave{e}n} = 12,0m$.

- Đường bờ sông (đường D1): là tuyến đường định hướng kết nối các khu vực dọc theo bờ Tả sông chảy của khu vực trung tâm thị trấn Phố Ràng. Quy mô tuyến đường $B_{mặt}=9,0m$; $B_{via\ h\grave{e}} = 6m \times 2$; $B_{n\grave{e}n}=21,0m$.

* Giao thông đối nội:

Các tuyến đường đi qua khu tập trung dân cư và sân thể thao quy mô $B_{mặt} = 6,0m$, $B_{via\ h\grave{e}} = 3m \times 2$ (riêng đường vào sân thể thao một bên vỉa hè 3,0m, một bên lề rộng 1,5m);

Các tuyến đường đi vào các khu vực dân cư thưa thớt hoặc không có dân cư quy mô đường: $B_{mặt} = 3,0 - 3,5m$; $B_{(l\grave{e} + r\grave{a}nh)} = 1,5m$; $B_{n\grave{e}n} = 5,0-6,5m$;

* Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng:

- Đất ở hiện trạng chỉnh trang, đất ở liền kề chỉ giới xây dựng phía giáp đường tỉnh lộ 160 lùi vào 6,0m, phía giáp đường D1 lùi vào 3,0m, phía giáp các

đường giao thông khác lùi 1,2m so với chỉ giới đường đỏ; các phía còn lại trùng với chỉ giới đường đỏ và ranh giới lô đất.

- Đất công cộng, dịch vụ phía giáp đường tỉnh lộ 160 lùi vào 6m, phía giáp các đường giao thông khác lùi 3m so với chỉ giới đường đỏ; phía giáp đường nội bộ trong nhóm công trình lùi vào 1,2m so với chỉ giới đường đỏ, các phía còn lại trùng với chỉ giới đường đỏ và ranh giới lô đất.

b. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

* San nền:

- Cao độ các tuyến đường giao thông được thiết kế nhằm đảm bảo cao hơn cao độ lũ, phù hợp với các công trình xây dựng đã có, đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế, tính khả thi và hiệu quả kinh tế. Cao độ đường giao thông được thiết kế thấp nhất là +78,00m (cao hơn cao độ đỉnh lũ theo điều tra thực tế là +76,6m).

- Đối với đất ở mới liền kề san nền mặt bằng cao hơn mép trong vỉa hè 0,1-0,2m, độ dốc theo hướng vuông góc với đường dốc ra phía đường 0.5% và theo hướng dọc đường bằng độ dốc dọc của đường.

- Đối với các loại đất công cộng, dịch vụ, thể thao san nền phù hợp với cao độ các tuyến đường xung quanh, các công trình xây dựng đã có và cao hơn cos +78.00m.

- Đối với đất ở hiện trạng chỉnh trang không tính toán san nền mặt bằng do các công trình đã được xây dựng tuy nhiên khi xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa lớn cần đảm bảo cao độ nền công trình cao hơn cao độ đường giao thông tối thiểu 0.2m và phải tính toán đảm bảo an toàn sạt lở.

* Thoát nước mưa:

- Trên các tuyến đường thiết kế hệ thống cống hộp 60x80cm, cống tròn D75cm, D100cm, rãnh hờ chạy dọc vỉa hè và lề đường để thu nước mặt đường thông qua hệ thống các cửa thu-hố ga. Bố trí hố ga thu nước mặt, khoảng cách các hố từ 30-40m/hố (tùy theo từng vị trí, độ dốc của tuyến đường).

- Nước mặt sau khi thu gom sẽ được xả ra suối Vành và các dòng chảy nhánh qua các cống thoát nước ngang đường D75cm, D100cm, D200cm.

c. Quy hoạch cấp nước

* Nguồn nước: Lấy nguồn nước khe suối Vành, điểm lấy nước cách khu vực 2,2 km làm nguồn nước thô dẫn về xử lý trước khi cấp cho nhu cầu sinh hoạt.

- Quy hoạch một trạm cấp nước sạch với công suất hoạt động trung bình 238m³/ngđ, tối đa 300m³/ngđ đặt tại vị trí đồi LNP12 có cao độ 98m sau đó cấp tự chảy xuống mạng lưới đường ống; Trạm cấp nước có diện tích khoảng 0,1ha với dây chuyền công nghệ đề xuất như sau: Bể gom nước thô 200m³ → Máy bơm ly tâm → Bể lọc đục sần 300m³/ngđ → Bể chứa nước sạch 200m³ (có khử trùng bằng clo) → cấp xuống mạng lưới

* Mạng lưới cấp nước

- Tuyến nước thô dẫn từ công trình thu nước đầu nguồn tự chảy về trạm cấp nước (trạm xử lý nước sạch) bằng ống thép DN100.

- Tuyến cấp nước sạch chính có đường D110 sau đó phân phối xuống ống cấp nước dịch vụ có đường kính D63-D32 cấp đến chân công trình.

- Bố trí các nút van chặn nhằm thuận tiện cho quản lý và điều phối cấp nước.

- Sử dụng ống HDPE loại tối thiểu PN10 và các thiết bị đầu nối đồng bộ tương đương.

- Độ sâu chôn ống không nhỏ hơn 0,4m trên vỉa hè và qua đường không nhỏ hơn 0,7m.

* Hệ thống cấp nước chữa cháy:

Tận dụng kênh mương suối chảy dọc khu vực làm nguồn nước phòng cháy khi cần thiết.

d. Quy hoạch Cấp điện và thông tin liên lạc

* Nguồn điện, trạm biến áp:

- Nguồn cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ đường dây 35kV công cộng chạy qua khu vực quy hoạch.

- Dựa vào bảng tính toán nhu cầu sử dụng điện của khu quy hoạch. Dự kiến tháo dỡ trạm Xuân Thượng 180kVA, xây dựng mới 01 trạm biến áp 560 kVA - 35/0.4kV, 01 trạm biến áp 630 kVA - 35/0.4kV đảm bảo cấp điện cho toàn bộ khu vực quy hoạch.

* Lưới điện trung, hạ thế:

- Tháo dỡ 2646m tuyến đường nổi 35kV tạo quỹ đất bố trí dân cư.

- Xây dựng tuyến đường dây nổi 35kV từ điểm đấu cấp điện tới trạm biến áp xây mới và cấp điện lại hiện trạng.

- Tháo dỡ khoảng 1737m tuyến đường nổi 0.4kV sau TBA Tân Tiến.

- Xây dựng mới tuyến đường dây nổi 0,4kV cấp điện từ trạm biến áp xây mới cấp điện tới các hộ tiêu thụ và cấp điện lại hiện trạng. Yêu cầu bán kính cấp điện $\leq 1200m$.

- Chiếu sáng công cộng:

+ Xây dựng các tuyến đường dây chiếu sáng nổi dọc các tuyến đường giao thông trong khu quy hoạch.

+ Lựa chọn loại bóng đèn Compact lắp trên cần đèn có công suất 50W để chiếu sáng phù hợp với đường nông thôn.

* Thông tin liên lạc:

Xây dựng hệ thống thông tin, điện nhẹ phù hợp với quy mô và nhu cầu của khu quy hoạch, cho phép cung cấp dịch vụ đến mọi khu vực. Dự kiến công trình viễn thông sẽ tổ chức cho đơn vị cung cấp dịch vụ triển khai và kinh doanh theo hợp đồng.

e. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

* Định hướng thoát nước thải:

- Nguồn nước thải sinh hoạt dân cư: Sử dụng chung với hệ thống rãnh kín thoát nước mặt dọc hai bên đường tại khu vực trung tâm xã, các khu vực có mật độ dân cư tập trung cao. Nước thải sinh hoạt cần phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn thông qua các bể phốt xử lý từng công trình sử dụng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung. Các khu vực dân cư thưa thớt, không tập trung, nước thải sinh hoạt cần phải được xử lý thông qua hệ thống bể phốt, tận dụng các nguồn nước này phục vụ cho hoạt động sản xuất, tưới tiêu, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm trong chăn nuôi, trồng chọt.

- Cần phải xử lý, khuyến cáo người dân di dời hệ thống chuồng trại chăn nuôi không hợp vệ sinh xa nơi ở, và xa nguồn nước sinh hoạt. Có biện pháp thu gom và xử lý triệt để nguồn nước thải trong chăn nuôi. Đối với các hộ gia đình có mô hình chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại.

* Định hướng xử lý chất thải rắn:

- Quy hoạch 01 điểm ga rác thải để tập trung và phân loại trước khi đưa đi xử lý tập trung.

- Rác thải được thu gom về các thùng đựng rác thích hợp tại các khu đất, từng khu dân cư, khu công viên cây xanh, sau đó sẽ thu gom rác thải và vận chuyển đến điểm ga rác thải, chuyển lên xe cơ giới đưa đến khu xử lý rác thải tập trung (nằm ngoài ranh giới).

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại tại nguồn thành 2 loại:

+ Chất thải rắn vô cơ gồm kim loại, giấy, bao bì thủy tinh v.v.. được định kì thu gom.

+ Chất thải rắn hữu cơ (lá cây, rau, quả, củ v.v.) được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến ga rác thải, sau đó được đưa lên xe cơ giới đưa đi xử lý tập trung.

* Nghĩa trang:

- Khu vực không bố trí nghĩa trang, các nhu cầu chôn lấp của nhân dân trong phạm vi khu quy hoạch quy tập về nghĩa trang nhân dân của xã (Nằm ngoài ranh giới quy hoạch).

- Khuyến khích vận động các hộ dân chuyển các khu mộ đã chôn cất đơn lẻ tập kết về khu nghĩa trang theo phong tục của từng dân tộc nhưng phải đảm bảo theo chỉ tiêu như sau: mộ hung táng với diện tích 5m²/ mộ; mộ cải táng 3m²/ mộ.

6. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

Trong đồ án thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược (ĐMC). Trong bước lập dự án tiếp tục đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND xã Xuân Thượng và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn biết và thực hiện Quy hoạch.

2. Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa. Giao UBND xã Xuân Thượng và các cơ quan có thẩm quyền quản lý mốc giới theo quy định.

3. Thực hiện đầu tư các hạng mục theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Xuân Thượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: GTVT XD; TN&MT;
- TT. Huyện ủy; HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Văn phòng điều phối NTM;
- Viện KTQH XD Lào Cai;
- Lưu: VT, KT&HT.

CHỦ TỊCH

Tô Ngọc Liên